

# Địa đàng ở phương Đông

**Stephen Oppenheimer**

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

# Mục lục

[Lời kết từ thiên đường phương Đông 1](#)

[Lời kết từ thiên đường phương Đông 2](#)

**Stephen Oppenheimer**

Địa đàng ở phương Đông

Phần Kết từ

## **Lời kết từ thiên đường phương Đông 1**

*Tựa đề do người dịch đặt*

“Ồ, thì phương Đông là phương Đông, còn phương Tây là phương Tây và sẽ chẳng bao giờ chúng gặp nhau được. Họ chẳng đến khi nào Đất và Trời đứng trước tòa phán xét tối cao của thượng đế...” Những lời này của văn hào Anh Rudyard Kipling (1865-1936) vang vọng đến thời đại của chúng ta từ thời kỳ thuộc địa. Các ngành khảo cổ học, di truyền học và ngôn ngữ học dường như đã chứng minh rằng Kipling đúng hơn chín mươi phần trăm: Đây là một đường ranh hiển nhiên, sâu thẳm và lâu đời phân cách miền Viễn đông với phần còn lại của đại lục Á - Âu. Câu chuyện của tôi tập trung vào năm đến mười phần trăm sự sự giao thoa này. Bằng cách sử dụng những chứng cứ từ ba ngành học này ở phần I, tôi đã đề xuất rằng có một mối liên kết giữa cư dân Đông Nam Á tiền sử với phần còn lại của thế giới. Sau thời kỳ Băng hà, cư dân Đông Nam Á bị buộc phải trốn chạy về phương Tây, Lưỡng Hà và có thể còn xa hơn nữa, và ảnh hưởng của họ đến phương Tây lớn hơn nhiều so với số dân của họ. Tôi cũng đã chứng minh ở phần II rằng bên cạnh những bằng chứng về quá trình di cư tự nhiên của cư dân Đông Nam Á, chúng ta còn có thể nhận ra những mối liên kết văn hóa ngược trở lại với lãnh thổ này trong nhiều câu chuyện cổ ở phương Tây và các câu chuyện khác nữa. Chỉ trong vòng 2.000 năm qua đã có một dòng chảy văn hóa ngược chiều - từ Tây sang Đông.

Tôi không đòi hỏi người ta chấp nhận mà không nghi vấn những dấu hiệu văn hóa dân gian hay di truyền và khảo cổ tôi đã mô tả trong cuốn sách này. Có quá ít bằng chứng về di truyền và khảo cổ được tìm thấy và cũng chẳng biết là niên đại của chúng đã chính xác hay chưa. Còn nhiều công việc cần được tiến hành. Điều mà tôi đề xuất là cư dân Đông Nam Á tiền sử xứng đáng được chúng ta xem xét một cách thấu đáo hơn, không phải bằng cái nhìn “thiên cận” (theo cách nói của nhà khảo cổ học Pamela Swadling) về

những cư dân tiền sử của vùng này.

### **Lấp đầy những khoảng cách**

Khảo cổ học, tuy có vẻ ngoài dường như chính xác, lại có một mắc mứu đặc biệt về những gián đoạn trong tính liên tục do sự dâng cao của mực nước biển gây nên, đặc biệt là cách đây 8.000 năm trong suốt thời kỳ Đồ đá mới. Những gián đoạn này đã đưa đến một bức tranh sai lệch về độ dài thời gian và những đường chân trời giả tạo. Những gián đoạn đáng kể nhất nằm vào giai đoạn Đồ đá mới ở Trung Quốc và Đông Nam Á; những gián đoạn ở Trung Quốc mãi sau này người ta mới nhìn nhận, còn những gián đoạn ở Đông Nam Á thì hầu như bị quên lãng.

Toàn bộ một kỷ nguyên trong tiền sử Đông Nam Á thế là đã bị đánh mất. Chẳng hạn, có một khái niệm mù mờ rằng một số dân cư thừa thớt của các bộ lạc săn bắn hái lượm đã xuất hiện ở nhiều nơi trên vùng đảo Đông Nam Á như ở Borneo cách đây từ 9.000 đến 3.500 năm, trong khi ở phương Đông, Tân Guinea (Indonesia), các bộ lạc còn đang hành nghề biển và làm vườn. Trái với cái nhìn nguyên thủy về khu vực ấy là bằng chứng về sự phát quang những khu rừng mênh mông ở vùng cao Sumer và Java cách đây 8.000 năm.

Tuy nhiên, như ta đã biết, nhà khảo cổ học Wilhelm Solheim có đề xuất một quan điểm thay thế rằng những cư dân đầu tiên của đảo Đông Nam Á vào thời gian này đã biết trồng củ, nuôi súc vật, thu hoạch cây trái và trở thành những chuyên gia trong nghề biển. Rất có thể họ đã nói thứ ngôn ngữ tiền thân của tiếng Austronesian nếu nguồn gốc Molluccan của motive chủng loại Polynesian được minh chứng là đúng. Họ có thể đã phát triển mạng lưới thương mại đường biển đến tận Nhật Bản và Hàn Quốc ở phía Bắc xa xôi cách đây 7.000 năm. Dấu vết của mạng lưới này vẫn còn rớt rớt lại đến ngày nay trong những tộc người du cư trên biển ở quần đảo Mã Lai. Họ hàng của họ - có lẽ nói các ngôn ngữ Austro-Asiatic (Úc-Á) - đã phân bố khắp đại lục Đông Nam Á và để lại những di chỉ của họ. Từ lâu đã có ý kiến cho rằng đây là những bộ lạc săn bắn hái lượm khá lạc hậu, nhưng thật ra, người Hoabinhians và Bacsonians đã phát triển kỹ thuật nông nghiệp

như làm vườn, trồng lúa và làm đồ gốm.

Tôi đã dành rất nhiều chỗ trong phần I để tranh luận rằng những người Austronesia đầu tiên đã phân bố đến Thái Bình Dương khoảng hơn 6.000 năm trước. Việc này là có mục đích. Trong khi sự phân bố ở Thái Bình Dương không có liên quan trực tiếp đến sự truyền bá Đông - Tây thì vấn đề tính toán chính xác thời gian chính là nền tảng cho quan điểm quy ước về tiền sử Đông Nam Á. Nói bằng thuật ngữ đơn giản, lý thuyết hiện nay về “chuyến tàu tốc hành từ Trung Quốc đến quần đảo Polynesia” dựa vào một niên đại đến Thái Bình Dương muộn hơn, vào năm 1.500 trước Công nguyên. Nếu như con tàu này không chỉ chưa bao giờ đến gần Trung Quốc mà còn rời khỏi Đông Nam Á ngay sau trận hồng thủy cuối cùng thì ta hoàn toàn có lý do để cho rằng các nhà thám hiểm đã có khả năng đi thuyền về phía Tây cũng vào thời gian đó.

Cứ liệu khảo cổ học về những thành tựu tiền sử của phương Đông có nhiều khoảng trống hơn là sự kiện, ngoại trừ những mảnh sự kiện rời rạc gợi ý rằng chúng đã mất mát nhiều hơn người phương Tây tưởng. Một vài mảnh sự kiện sớm hơn - gồm cứ liệu về những thủy thủ ở Thái Bình Dương đã đến được đảo Solomon cách nay gần 30.000 năm, đồ sứ cổ của người Nhật có niên đại 12.500 trước, và những người miền núi Tân Guinea mà, như đã nói ở trên, đã biết tháo nước ở các đầm lầy để trồng khoai sọ cách nay 9.000 năm, và sự trồng lúa đã tồn tại từ xa xưa một cách đáng kinh ngạc ở quần đảo Mã Lai, điều này hẳn đã tiên báo sự lan truyền của nghề thủ công đến Ấn Độ. Sau đó ít lâu là trận hồng thủy thứ ba trong thiên niên kỷ thứ 8. Tiếp theo đó là một thời kỳ tương đối im ắng về cứ liệu khảo cổ, từ vùng Đông Nam Á ngập nước do nước biển dâng cao đến 500 mét trong 2.000 năm tiếp theo. Những ngoại lệ là một vài hang động sơ kỳ đồ đá mới có niên đại từ Borneo và quần đảo Philippin cùng với sự xuất hiện của khoáng chất obsidian trên duyên hải phía Đông của Borneo 6.000 năm trước, được trao đổi qua lại từ đảo Lou đến phương Đông cách hàng ngàn dặm biển, rất lâu trước khi những thủy thủ Austronesian đặt chân đến Borneo, chứ chưa nói gì đến đảo Lou.

Trên lục địa châu Á, từ cuối trận hồng thủy trở đi, chúng ta bắt đầu thấy

những khu định cư thời kỳ Đồ đá “mới”, dọc theo vùng đảo phía Đông và Nam Trung Quốc và ở Việt Nam. Tuy nhiên những nhà khảo cổ Đông phương lão luyện đã quan sát kỹ lưỡng những lớp phù sa được tạo nên bởi lụt lội ở các vùng đầm lầy ven biển, và họ đã khám phá ra rằng những nền văn hóa của thời kỳ đồ đá đầu tiên đã có tại đó từ trước trận lụt. Khu định cư nông nghiệp ở Thái Lan và Việt Nam cũng xuất hiện từ thiên niên kỷ thứ 5 trước Công nguyên ở những nơi như Ban Chiang. Có lẽ những người đi khai hoang này đã từ bờ biển di cư vào trong đất liền khi trận lụt xảy ra; dù sao đi nữa thì những vùng đất nông nghiệp Viễn Đông có niên đại từ thiên niên kỷ thứ 5 trước Công nguyên đã tiếp tục chế tạo đồ đồng vào khoảng thời gian đó như Trung Quốc và Cận Đông cổ đại - và hiển nhiên là độc lập với các nền văn minh này. Nền văn hóa thời kỳ kim loại của Việt Nam sau này đã chế tạo được những đồ vật tinh tế mang đi trao đổi khắp Đông Nam Á và cả vùng Melanesia xa xôi từ rất lâu trước khi có sự xuất hiện của nền văn hóa Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của Ấn Độ. Nền văn hóa ngoại lai thời kỳ đồng thau 3.200 năm tuổi của Sanxingdui ở Trung Quốc còn có nhiều mối liên kết văn hóa với vùng đảo Đông Nam Á hơn là với phương Bắc.

Khi những mảnh rời của trò chơi ghép hình được xếp lại gần nhau nhiều hơn, một bức tranh trái ngược hiện ra trước mắt ta: những tiến bộ kỹ thuật lớn lao cuối kỷ Băng hà xuất hiện đồng thời trên khắp đại lục Âu-Á và lan đến tận Châu Đại Dương. Một giả thiết như thế xác nhận mỗi nghi vấn rằng những lộ trình cổ xưa của việc liên lạc liên lục địa ở phương Đông có thể có hiệu quả đáng kể hơn nhiều so với người ta nhìn nhận trước đây. Bức tranh di truyền học và ngôn ngữ học về những sự lan truyền của người Austronesian vào Melanesia và Australia xác nhận rằng sự lan truyền đầu tiên đã khởi phát từ Đông Nam Á vào một thời kỳ sớm hơn nhiều so với lập luận của những người ủng hộ thuyết “Chuyến tàu tốc hành năm 1500 trước Công nguyên đến Polynesia”.

Một tiến trình lũ lụt như thế diễn ra ở các vùng đầm lầy Sepik ở Bắc Tân Guinea cách nay hơn 6.000 năm; một lần nữa các nhà khảo cổ học địa phương đã đào bới bên dưới lớp phù sa và phát hiện ra những nền văn hóa

với kỹ thuật vỏ sò đặc trưng Austronesia và những quả cau xuất hiện ở đó khoảng 6.000 năm trước chứ không phải là 3.500 năm như nhiều người tưởng. Thậm chí có lẽ chúng còn xuất hiện sớm hơn nhiều, nhưng tới nay thì các chứng cứ về điều đó đã bị chôn sâu dưới đáy biển. Điều này có thể giải thích cho việc đồ gốm Jomon 5.400 tuổi từ Nhật Bản đã tìm thấy tận phương Đông ở Melanesia. Dù nguyên nhân gì đi nữa thì cũng đã có một cuộc di cư và pha trộn cư dân to lớn quanh Vành đai Thái Bình Dương thuộc phương Tây trong và ngay sau trận hồng thủy. Hầu hết những chứng cứ về điều này lúc bấy giờ lại bị chìm ngập dưới mực nước biển cứ dần cao lên cho tới 5.500 năm trước.

Cách phương Tây hàng ngàn kilômét, nạn hồng thủy đã ảnh hưởng đến vịnh Ả-rập như Sir Leonard Woolley đã tìm thấy cả trong văn bản lẫn trên thực tế, nhưng những người dân Lưỡng Hà của vùng Ubaidian do không có những khu rừng nhiệt đới dày đặc để ngăn lũ nên có thể đã di chuyển ngược lại hướng đi của lũ. Hậu quả là văn liệu của họ cho ta biết rằng họ đã ở lại vùng vịnh và cư xử như chủ nhà với các thương nhân và những người tị nạn lạnh nghề từ phương Đông sang. Như chúng ta đã thấy, tại ranh giới của nền văn hóa Ubaid 7.500 tuổi bị đọng dưới lớp bùn lũ lụt có những bộ sưu tập tương tự về đồ gốm và các đồ thủ công thời đồ đá mới, nối kết với nghề xe sợi và đánh cá, còn có cả những bức tượng nhỏ mang dáng vẻ phương Đông thần bí.

### **Đường mòn dẫn về phương Tây**

Khó mà quan niệm rằng những thủy thủ và thương nhân đã dễ dàng đến Tây Nam Thái Bình Dương cách đây rất lâu mà không mạo hiểm đi về phương Tây dọc theo vành đai duyên hải phương Bắc an toàn của Ấn Độ Dương. Thì họ đã làm thế mà. Xét chứng cứ về sự di chuyển của các dân tộc về phía Tây, chúng ta thấy sự có mặt tự nhiên của dân tộc Mundaic ở Trung Ấn ở chính các vùng nơi việc trồng lúa đã xuất hiện đầu tiên, có thể là cách đây 7.000 năm. Họ có chung bộ gene và nhóm ngôn ngữ với người Môn-Khơme ở bán đảo Trung Ấn, những bộ tộc sống tách rời nhau hàng ngàn kilômét và hàng ngàn năm này đã chia xẻ với nhau những hiểu biết về

văn hóa trồng lúa và nghề đồ đồng. Đây là một chứng cứ thuyết phục cho thấy họ đã mang theo một nền văn hóa có từ trước về phía Tây. Các nhà ngôn ngữ học đồng ý rằng sự phân hóa giữa các nhánh thuộc chủng tộc ngôn ngữ Austro-Asiatic đã xảy ra từ xa xưa trong thời tiền sử.

Chúng ta còn tìm thấy những mối liên kết di truyền học và ngôn ngữ học giữa những người Austronesia làm thương mại và đi biển với những dân tộc Nam Ấn nào đó. Mặc dù các mối liên kết ngôn ngữ ít rõ ràng hơn ở phía Bắc nhưng những dấu hiệu di truyền học cổ đại rõ ràng là dẫn ta quay lại với vùng Đông Nam Á hải đảo. Có thể những vị du khách đầu tiên đến đây từ phương Đông cũng chính là những người “Naga” huyền thoại, họ đã mang nhiều gia vị và tục thờ thần rắn đến khu vực này. Có chứng cứ về việc du nhập ngôn ngữ Austronesia đến Ấn Độ: nhưng trong khi mối liên kết giữa tiếng nói của người Sume với tiếng nói của người Austronesian đã được đề xuất thì vấn đề này vẫn còn gây tranh cãi. Tuy nhiên, những liên kết di truyền học từ Đông Nam Á dọc theo các lộ trình thương mại xuyên qua Ấn Độ đến các Tiểu vương quốc Ảrập thống nhất và Lưỡng Hà và đến Địa Trung Hải đã để lộ một con đường rõ rệt của những đoàn người di trú nhỏ và có định hướng vào thời cổ đại.

### **Các vấn đề về niên đại của sự di trú**

Trong khi con đường di truyền học và ngôn ngữ học từ Đông Nam Á đến phương Tây đã được xác định chắc chắn thì vấn đề chính đối với cả hai loại dấu chỉ này chính là niên đại các cuộc di cư của họ. Các nhà di truyền học và ngôn ngữ học lịch sử đều có thể ước đoán về niên đại của các nhánh hay các mắt xích trong cây gia phả của các đoàn người di trú. Nhưng họ không dễ gì khẳng định được các nhánh đó đã xuất hiện ở đâu và vào khi nào. Nói đơn giản hơn, bất kỳ một nhánh nào đó trong một gia hệ đều có thể xảy ra trước hay sau cuộc di cư của gia hệ đó; không dễ gì nói chắc là trước hay sau. Đối với di truyền học về những cuộc di dân, cái khó của việc xác định niên đại là phải đưa ra cho được những ranh giới thời gian hàng ngàn năm. Tuy nhiên, có một trường hợp đặc biệt, ấy là khi các thành viên mới trong một gia hệ được tìm thấy đúng vào hoặc sau một thời điểm của lộ trình di



cư chứ không phải là trước đó. Điều này giúp xác định được niên đại của những cuộc di cư đầu tiên là cách đây bao lâu. Hiện tượng này lặp lại trong cái gọi là motive Polynesia. Nó chứng tỏ rằng, thay vì xác định những cuộc di chuyển gần đây của người Polynesia ra khỏi Trung Quốc, motive này xác định có một cuộc lan truyền sớm hơn nhiều của người Austronesian vào Tây Nam Thái Bình Dương hơn 6.000 năm trước. Motive Polynesia thay vì xác định những cuộc di cư hiện thời từ Trung Quốc, lại đặt tổ tiên của người Polynesia và những người dân đảo Thái Bình Dương khác vào mép thềm lục địa Sunda bị chìm mất vào cuối kỷ Băng hà. Những luận cứ như thế còn tiếp tục trong các dấu hiệu di truyền học mẫu hệ từ Đông Nam Á được tìm thấy ở Nam Ấn. Những điều này chứng tỏ sự đa dạng của địa phương, từ đó cho thấy sự có mặt lâu đời của những người dân di cư ở vùng Đông Nam Á. Một số những dấu hiệu di truyền độc đáo khác của kiểu gien toàn cầu đã chỉ ra dòng chảy từ Đông sang Tây, xuyên qua Ấn Độ vào Lưỡng Hà.

Những kiểu dấu hiệu như thế đã tiết lộ một dòng di truyền gien chảy trực tiếp từ phương Nam đến Australia kể từ cuối kỷ Băng hà. Những dấu hiệu này còn hướng về phương Bắc vào điểm hội tụ di truyền của những vùng đồi phía Đông Himalaya. Những điều này ủng hộ ý kiến cho rằng dân tộc đa ngôn ngữ này là những người lánh nạn từ phía nam lên thượng nguồn hơn là tổ tiên của người Tây Tạng. Do đó, bối cảnh di truyền là một sự phân tán gien từ xa xưa, khởi đi từ vùng Đông Nam Á khi mực nước biển dâng cao.

### **Vài câu chuyện có thể xác định niên đại**

Việc đã từng có sự trao đổi qua lại giữa phương Đông và phương Tây về ý tưởng, gien, ngôn ngữ, đồ vật và tập quán văn hóa không còn là nghi vấn nữa. Vấn đề còn lại đối với tất cả những dấu chỉ này là niên đại chính xác của sự khuếch tán đầu tiên. Đáng ngạc nhiên là hệ thống dấu chỉ vốn đã tạo ra mối liên kết mạnh mẽ nhất từ Đông sang Tây cũng chính là hệ thống có niên đại chính xác và sớm nhất. Dĩ nhiên, hệ thống dấu chỉ này là tín ngưỡng và văn hóa dân gian truyền thống của chúng ta và là đề tài chủ yếu

của nửa cuốn sách này.

Có hai phương diện cần phải phân biệt rõ trong cách dùng thuật ngữ văn hóa dân gian của tôi: dùng nó như một dấu chỉ văn hóa, và vai trò của nó như là lịch sử. Điều quan trọng nhất đối với tôi ở đây là dấu chỉ văn hóa. Nếu đặt sang một bên tất cả những câu hỏi về việc tại sao văn hoá dân gian được tạo ra, thì ta lại đối mặt với vấn đề những sự tương đồng không thể chối cãi của những truyền thống rất xa cách nhau về địa lý và chủng tộc. Do không thừa nhận sự khuếch tán là lý do cho những mối liên kết này, các nhà văn hoá dân gian của thế kỷ 20 đã phải đề xuất ra hai nguyên nhân duy nhất khác khả dĩ cho sự tương đồng đó, ấy là sự ngẫu nhiên và những hoạt động bên trong tâm trí con người. Tuy rằng sự ngẫu nhiên có thể vận hành theo các mô típ rõ ràng, đơn lẻ, chẳng hạn như tục thờ phụng Mặt Trời, tôi đã trình bày rằng, về mặt thống kê, rất khó có khả năng chuyển các kiểu truyện phức hợp - có từ 3 đến 10 motive riêng biệt - xảy ra tới hơn một lần. Thế mà đây là chính điều hãn đã xảy ra đối với sự phân bố các huyền thoại trên một đường chéo vạch ngang qua đại lục Âu Á - với người Polynesia ở đầu này và người Phần lan ở đầu kia -, tất cả đã xảy ra độc lập với nhau. Việc các thần thoại cốt lõi đã được bảo tồn cẩn trọng bởi các nền văn minh Lưỡng Hà, Trung Đông và Ai Cập cũng có thể không phải là trùng hợp ngẫu nhiên. Tất cả những câu chuyện chính trong 10 chương đầu của sách Sáng thế ký được tìm thấy trong dải văn hóa này và tất cả xuất hiện ở miền Viễn Đông: Sự sáng tạo ra nước, sự phân chia trời đất, sự sáng tạo ra người đàn ông từ đất đỏ, Eva từ xương sườn của anh ta, Cain và Abel, và dĩ nhiên còn có nạn hồng thủy. Ngoại trừ hồng thủy thì sự tương đối hiếm hoi bằng chứng cho những kiểu truyện phức hợp này ở châu Mỹ và châu Phi không chỉ hỗ trợ cho lý thuyết về sự phân bố, mà còn là một luận điểm chống lại giả thiết về tính ngẫu nhiên và “hoạt động bên trong tâm trí con người” đối với những sự tương đồng giữa các huyền thoại này.

Trong khi phương pháp của Frazer trong văn hóa dân gian đang bị loại bỏ thì cách tiếp cận tâm lý học giải thích những điểm tương đồng của các câu chuyện như thế bằng những ý tưởng của Freud và Jung, đã trở nên phổ biến và đáng kể. Thời gian đã không chứng minh được triển vọng đối với những

ý kiến sau. Những lý thuyết ấy thực chất là không thể chứng minh, vô bổ hoặc không thích hợp và không còn được xem xét một cách nghiêm túc trong văn bản này. Xin dẫn ra một thí dụ: câu chuyện về sự phân chia Trời Đất được đề cập ở gần đầu phần II thường xuyên nhắc tới sự hợp nhất giới tính cha Trời và mẹ Đất. Điều này có thể là nguồn cảm hứng cho cách diễn giải theo Freud, nhưng sự kiện hay hình ảnh tính dục đầy kịch tính này lại khác nhau rất nhiều ở mỗi câu chuyện. Điều này chỉ ra rằng mặc dù mô típ phân ly đã được lưu giữ cẩn thận trong những dị bản khác nhau của câu chuyện, song chúng không xảy ra một cách tự phát như là sự đáp ứng một nhu cầu sâu thẳm muốn hoạn cha mình hay bất kỳ sự tưởng tượng nào như thế. Sự tiếp cận cấu trúc luận đối với văn hóa dân gian đang nổi lên ở nửa sau thế kỷ 20 đã hoàn toàn vô dụng và trong bất cứ trường hợp nào cũng lờ đi những vấn đề về nguồn gốc của thần thoại.

## **Stephen Oppenheimer**

Địa đàng ở phương Đông

Phần Kết từ

### **Lời kết từ thiên đường phương Đông 2**

*Tựa đề do người dịch đặt*

Nếu ta chấp nhận bằng chứng theo thống kê về mối quan hệ xuyên lục địa trong các thần thoại thì niên đại của những văn bản thần thoại Á-Âu đầu tiên trở nên rất quan trọng. Chúng ta rất may mắn bởi người Sumer và người Babylon rất mực cẩn mẫn trong việc ghi chép các motive này vào các bảng đất sét và con dấu hình trụ. Dấu niên đại bắt nguồn từ một nhu cầu như thế cho thấy rằng thần thoại, với những hàm nghĩa tôn giáo của nó, thuộc về những văn bản ghi chép đầu tiên vào khoảng thiên niên kỷ thứ 3 trước công nguyên. Bởi vì trong đa số trường hợp, kết cấu và nội dung của thần thoại Lưỡng Hà cho thấy rằng chúng bắt nguồn từ những dị bản phương Đông cổ hơn, nên chúng ta có thể giả định rằng hướng truyền bá là từ Đông sang Tây, và niên đại của sự truyền bá này có lẽ còn sớm hơn cả đầu thiên niên kỷ thứ 3 trước công nguyên. Nghĩa là những mối liên kết văn hóa Đông Tây có thể lâu hơn 5.000 năm. Những mối liên kết văn hóa đó chỉ có thể xảy ra nếu như cư dân ở vùng Đông Nam Á lưu giữ các câu chuyện, và nếu họ có khả năng đi đến Lưỡng Hà và Ấn Độ để truyền bá những câu chuyện đó.

Nếu như chúng ta chỉ sử dụng một ví dụ về kiểu thần thoại được cho là đã phát xuất từ miền Đông Indonesia - cụ thể là chuyện Hai anh em đánh nhau - thì thời gian lan truyền ít nhất là 6.000 năm trước đây. Câu chuyện của người Austronesia này được truyền bá về hướng Đông đến ngôi làng Kambot mà cách đây 5800 năm là một hòn đảo nằm trong vùng biển nội địa tuyệt đẹp ở Tân Guinea. Ngôn ngữ của những người dân làng đã thay đổi không còn là tiếng Austronesia, và ngày nay họ ở rất sâu trong vùng đầm lầy, tuy nhiên, cũng như các cư dân khác ở Australasia (Úc - Á), họ vẫn còn bảo tồn câu chuyện gốc. Thần thoại này còn được di chuyển về rất sớm phương Tây đến Lưỡng Hà và Ai Cập, nơi mà nó phát triển riêng biệt

thành hai cổ mẫu khác biệt nhưng có liên quan với nhau là Cain và Abel, Seth và Osiris, cả hai đều có lai lịch từ những giai đoạn văn minh tối cổ ở các vùng này.

Nếu như sau đó ta chuyển sang nội dung của các thần thoại chung của lục địa Á-Âu thì đa phần chúng lại ít bí ẩn hơn nhiều so với các nhà folklore học nghĩ. Một vài chuyện được ghi chép lại một cách rõ ràng. Thần thoại về hồng thủy được tìm thấy trên mọi bờ biển của mọi lục địa, đặc biệt là các bờ biển có thềm lục địa rộng lớn. Có không nhiều dị bản kể lại theo những cách khác nhau về trận lụt hậu băng hà cuối cùng tác động đến các vùng bờ biển. Chúng có toàn quyền tiêu biểu cho một cơn lũ biển có thật xảy ra cách đây không lâu lắm. Một lần nữa, một số chi tiết độc đáo của những câu chuyện hồng thủy ở vùng Đông Á lại được truyền bá sang các huyền thoại Trung Đông. Sự sáng tạo ra nước cùng sự phân chia Trời - Đất chắc chắn là một câu chuyện liên tục từ Thái Bình Dương đến phương Tây. Mặc dù nó có thể là một dị bản khác về hồng thủy, nhưng bức tranh nó gợi ra ám chỉ đến một tai họa khác còn ghê gớm hơn. Tuy nhiên nội dung của nó lại quá cách điệu nên khó mà diễn giải. Câu chuyện về hai anh em đánh nhau rõ ràng là mô tả sự bất đồng về văn hóa và về chủng tộc ở khắp vùng Á-Âu. Những dị bản của người Molucca và Tân Guinea có chi tiết mang tính địa phương dễ thẩm định hơn trong cấu trúc của chúng, vì thế được xem là gần với cổ mẫu hơn. Những câu chuyện này đã đan bện vào nhau với những tín ngưỡng về sự phong nhiêu, cái chết và sự tái sinh ở cả Đông lẫn Tây. Vai chính trong truyền thống hai anh em là một cái cây với một linh hồn cây nam giới đang hấp hối, người đã đem lại sự phong nhiêu và phục sinh bằng chính cái chết của mình.

Motive cái cây được rút ra từ khái niệm Cây sự sống. Khái niệm này trong những hình thức khác nhau của nó - từ tín ngưỡng Tôtem đến sự cảm dỗ - một lần nữa bắt nguồn đâu đó ở giữa vùng Molucca và Tân Guinea. Nó hầu như nảy sinh ra như là kết quả của những tác động phì nhiêu của chuối, bột cọ Sagu, dừa và các loại cây ăn quả mọc rải rác trong vùng này và đưa đến sự gia tăng dân số. Một tổng hợp giữa hai loài động vật bất tử, chim ưng và rắn, với Cây sự sống đã tạo nên một bộ ba hùng hậu được nhìn nhận là sản

phẩm đặc trưng của vùng Đông Nam Á, nhưng đã thiên di đến Lưỡng Hà cách đây hơn 4.000 năm và đến Trung Quốc cách đây hơn 3.000 năm.

Ý tưởng về Vườn Địa đàng là một thiên đường phong nhiêu đã mất là một khái niệm đặc biệt của người Austronesia đã tìm đường đến phương Tây nhiều lần. Người Polynesia có cách hình dung về thiên đường có thể hiểu được về phương diện địa lý. Đó là một lục địa tươi tốt rộng lớn ở phương Tây, thuở ban sơ là quê hương xứ sở. Bây giờ thì đó không còn thật sự là quê hương, nhưng đó là nơi cư trú của linh hồn tổ tiên, hay có thể là những anh hùng nào đó. Để đến đó bạn phải vượt qua một vùng sông nước nguy hiểm đã nhắc đến trong motive thuyền chết được tìm thấy trong các hang động, trên đồ đồng và trên những mẫu vải khảm Đông Nam Á. Nó chỉ có thể là lục địa Sunda đã chìm mất từ lâu.

Sự sa ngã trong Vườn địa đàng được người phương Tây đồng nhất với khái niệm tội lỗi và tội nguyên thủy, cuối cùng hóa ra là một dị bản duy nhất của những thần thoại về sự bất tử dựa trên cây cối mà Frazer đã mô tả bằng nhiều hình thức khác nhau quanh Ấn Độ Dương từ Australia đến sa mạc Kalahari. Gia hệ của những thần thoại về sự bất tử này có lẽ là lâu đời nhất, gợi nhớ lại tầm quan trọng của nghi thức tang lễ có nguồn gốc ở tận trước cuối Thời đại Băng hà. Khi phân tích sự phát triển của câu chuyện, ta thấy rằng về tổng thể, gia hệ này rõ ràng có nguồn gốc từ Đông Nam Á hoặc Tây Nam Thái Bình Dương.

Sir Frazer biện luận rằng Cây tri thức là sự suy đồi từ Cây chết của người Lưỡng Hà. Quan điểm của người Sumer về hiệu lực và mối đe dọa của tri thức lại xuất hiện trong một dị bản Lưỡng Hà cổ hơn về Sự sa ngã của Adam, đó là Thần thoại Adapa. Cái tri thức được canh giữ vô cùng cẩn mật đó có thể là kỹ thuật hay ma thuật hoặc cả hai. Trong nhiều xã hội truyền thống thì hai cái này không thể tách biệt, những tuyên bố về tính siêu nhiên làm tăng thêm quyền lực của các nghệ nhân khéo léo, tầng lớp tăng lữ thống trị hay các chiêm tinh gia. Tri thức bí ẩn do tầng lớp tăng lữ thống trị nắm giữ có thể là một trong những hạt mầm đã làm thay đổi Lưỡng Hà và Thượng Ai Cập từ xã hội nông nghiệp thời kỳ đồ đá mới đến những nền văn hóa có đẳng cấp phong phú mà chúng ta đã được biết đến từ các văn

bản khảo cổ. Những quyển sách tài liệu nguồn ghi nhận sự tương đồng đáng chú ý giữa những cuộc hành lễ ma thuật của người Mã Lai tiền Hồi giáo, như thuật xem điềm báo trên gan gà, với những nghi thức của dân tộc Babylon cổ xưa.

### **Chính xác là phương Đông đã dạy cho phương Tây điều gì?**

Trong cuốn sách này tôi đã lập luận rằng cội rễ sự nở rộ huy hoàng của văn minh trong vùng lười liềm phong nhiêu Cận Đông cổ đại nằm trên vùng duyên hải nay đã chìm khuất ở Đông Nam Á. Chính người Sumer và người Ai Cập đã viết về những người đàn ông thông thái tài tình đến từ phương Đông, một sự kiện mà người ta thường gạt bỏ vì coi đó chỉ là sự thêm thắt của trí tưởng tượng phong phú. Chúng ta có thể hỏi ngay, nguyên nhân nào đã sản sinh ra sự bùng phát các thành phố, đền đài, nghệ thuật, văn tự và các đế chế cách đây 5.000 năm? Ngoài những kiến trúc bằng đá chìm dưới nước gây kinh ngạc mới tìm thấy ở ngoài bờ biển phía đông Đài Loan và những nền văn hóa cự thạch rất phổ biến thì ít có bằng chứng trực tiếp về các thành phố, đền đài hay văn tự thuộc niên đại đó ở Đông Nam Á. Đúng hơn là chỉ có một bộ sưu tập những thần thoại khởi nguyên và những kỹ năng của thời kỳ đồ đồng cuối thời kỳ đồ đá mới được trao đổi giữa hai vùng.

Quan điểm riêng của tôi là mặc dù có nhiều sự chuyển giao công nghệ qua một giai đoạn dài, nhưng những bài học mới và quan trọng nhất từ phương Đông đã được Marx đề cập đến trong Tư bản luận, nghĩa là làm thế nào để sử dụng hệ thống đẳng cấp, chính trị, ma thuật và tôn giáo nhằm kiểm soát sức lao động của người khác. Tuy nhiên, trước khi thảo luận về những vấn đề đó, chúng ta có thể quan sát những dấu vết vững chắc hơn và những đòi hỏi của nền văn minh vốn được thụ đắc một cách dần dần chứ không phải cùng một lúc. Như tôi đã nhấn mạnh, tính đột ngột của bất kỳ cuộc cách mạng nào trong những xã hội tiền sử dựa trên một bờ biển bằng phẳng có lẽ chỉ là ảo tưởng. Điều này nhất định liên quan đến bờ biển của vịnh Ả-rập, là nơi có thể đã có được một thời kỳ kéo dài đến tận kỷ nguyên của những đô thị đầu tiên. Như chúng ta đã thấy ở phần I, mực nước biển dâng ở đó chỉ

đạt mức cân bằng và bắt đầu rút xuống khoảng 5.500 năm trước. Nhiều khu định cư và các đô thị cổ hơn được xây dựng ở vùng Vịnh có lẽ đã bị mất hút dưới đáy biển.

Điều kiện tiên quyết đối với các xã hội thành thị là phải có cơ sở nông nghiệp phát đạt đủ sức nuôi sống dân số; và từ những chứng cứ khác ở vùng này, điều này từng tồn tại từ những thời cổ hơn nhiều ở Trung Đông. Làng nông nghiệp đầu tiên ở Thổ Nhĩ Kỳ - Ten Çata Hüyük - có niên đại khoảng 7.000 năm trước công nguyên, là khoảng thời gian mà các đầm lầy ở Cao nguyên Tân Guinea bắt đầu khô cạn và là lúc mà cây lúa bắt đầu được ghi nhận trong một hang động ở bán đảo Mã Lai. Vào lúc xuất hiện nền văn minh Sumer 3.500 năm sau đó, người chăn cừu và nông dân xuất hiện khắp nơi trong thế giới cổ đại, nuôi sống phần lớn dân cư ở cả phương Đông lẫn phương Tây. Truyền thuyết kiểu “Cain và Abel” của người Sumer được thể hiện trong câu chuyện Emes và Enten, có liên quan đến những xung đột giữa người chăn cừu với người nông dân.

Nhìn chung nông dân là những người độc lập và họ cần đô thị ít hơn là đô thị cần họ. Tuy thị dân có thể chuyên nghiệp trong việc tổ chức và có những kỹ năng như sản xuất công cụ, nhưng họ không thể làm ra thức ăn nếu không có đất đai. Do vậy, điều kiện tiên quyết thứ hai đối với sự phát triển đô thị là sự tạo lập một nhà nước nơi mà nông dân và các công dân khác buộc phải trung thành với thị quốc và cung cấp thực phẩm cho đô thị.

Có nhiều cách để đạt tới sự thu phục này: bằng cường bức, vũ lực, thuế má, thuyết phục tôn giáo hay bằng thủ đoạn gian trá, và cuối cùng là bằng cách tiến hành chiến tranh cùng gián điệp. Tất cả những cách đó đều đã được dùng đến. Chẳng có gì sai lầm khi một trong những cuốn sách nổi tiếng nhất của thời Phục Hưng, cuốn Quân vương của Machiavelli, là sự phân tích thẳng thắn về những biện pháp đó trong việc trị quốc. Tuy vậy, tác phẩm này so ra khá muộn màng. Bởi vì cuốn Binh pháp của Tôn Tử - một nhà cai trị Trung Quốc được viết cách đây gần 2.500 năm - đã trở thành một cuốn cẩm nang hữu hiệu, ngày nay vẫn còn được các thương gia phương Đông tìm đọc.

Để duy trì nhà nước này, những nhà cai trị đầy tham vọng phải thiết lập tổ



chức và quyền lực của họ bằng cách phối hợp giữa vũ lực, sự bảo vệ chế độ phong kiến và cường bức tôn giáo. Ở cả Ai Cập và Lưỡng Hà, những nhà cai trị đầu tiên là thần linh hay tăng lữ, được đăng cấp tăng lữ ủng hộ. Ở giai đoạn ban đầu, khoa thiên văn học dùng trong nông nghiệp và hàng hải mà người phương Đông rất thành thạo đã bị các nhà “chiêm tinh” chiếm đoạt nhằm mục đích lừa phỉnh và đe dọa quần chúng. Dĩ nhiên điều này vẫn tiếp diễn đến tận ngày nay. Việc thêm vào những thủ tục ma thuật, như bói chuyện tương lai bằng việc kiểm tra ruột các con vật, đã từng được dùng ở Lưỡng Hà và cũng được dùng ở Đông Nam Á ngày nay, từ nông dân đến quý tộc.

Sự củng cố quyền lực trung tâm ở thị quốc được hỗ trợ bởi truyền thống, tôn ti trật tự và những quan niệm vương quyền. “Hiếu biết phận mình” là một cách nói quen thuộc chỉ mới mờ nhạt ở Anh cách đây vài thập kỷ mà thôi. Tuy nhiên, cái cấu trúc giai cấp này, vẫn đang làm tê liệt nước Anh hơn bất cứ quốc gia châu Âu nào khác, chẳng là cái gì so với những hệ thống đẳng cấp vẫn đang tồn tại trong các xã hội truyền thống của người Austronesia từ Madagascar, qua Bali đến Samoa. Người Bali ngày nay vẫn bảo lưu những hàng tước vị cao cấp, nhằm quy định tầng lớp này phải xưng hô như thế nào với tầng lớp kia. Các làng Samoa vẫn còn có người quý tộc. Do đó, ý thức giai cấp này rõ ràng không phải là một cái gì chỉ được các xã hội Austronesian lượm lặt từ ảnh hưởng của Ấn Độ sau này.

Chuyến du hành của tôi được kể lại trong cuốn sách này bắt đầu với lời hướng dẫn tình cờ của một ông lão trong một ngôi làng của thời đại đồ đá ở Papua Tân Guinea. Nó đã dẫn dắt tôi từ việc nghiên cứu nặng tính kỹ thuật về các chủng người và bệnh sốt rét ở hòn đảo đó đến chỗ nhận thức rằng sự phân bố rải rác của nông dân và thủy thủ vùng duyên hải Đông Nam Á đã nối tiếp sau một loạt những trận lụt hậu băng hà và dẫn đến sự phong phú về văn hóa của phần còn lại của lục địa Âu-Á. Ngày nay ta vẫn có thể tìm thấy tiếng vang của việc này ở phương Tây trong những văn bản cổ đại như sử thi Gilgamesh và 10 trang đầu của sách Sáng thế ký. Chủ đề của những thần thoại này vẫn còn thấm đẫm trong các tổng tập văn học từ cổ đại đến hiện đại.

Và những gì còn lại ở vùng Đông Nam Á ngày nay chỉ có thể cung cấp cho chúng ta một cái nhìn thoáng qua về một Địa đàng đã từng tồn tại trên đời.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vy.

La Mai Thi Gia dịch từ tiếng Anh

eVăn hiệu đính

Nguồn: [evan.com.vn](http://evan.com.vn)

Được bạn: mickey đưa lên

vào ngày: 26 tháng 2 năm 2005